

Bản án số: 61/2024/HS-PT
Ngày 15-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn D. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn D, sinh năm 1993 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: số A, ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q; bị cáo có vợ tên Trần Thị Kim L và có 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/7/2023 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hồng C - Luật sư Văn phòng L2; địa chỉ: Phòng A, Tầng A, Tòa nhà H, số D, đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn D từng là nhân viên của Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ), địa chỉ tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tháng 6/2021, D nghỉ việc. Quá trình làm việc tại Công ty Đ, D có quen biết với bà Phạm Kim C1 thông qua các lần môi giới mua bán bất động sản nên bà Kim C1 có chụp hình và gửi thông tin thửa đất số 3667, tờ bản đồ số 77, địa chỉ tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nhờ D tìm khách hàng để bà Kim C1 bán nên D đã lưu lại thông tin của thửa đất trên. Sau khi nghỉ việc tại Công ty Đ, do cần tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định làm giả Hợp đồng đặt cọc thể hiện D đã đặt cọc tiền mua thửa đất nêu trên từ bà Kim C1 để lừa bán thửa đất trên cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền của người mua đất. Thực hiện ý định trên, D đã làm giả 01 Hợp đồng đặt cọc với nội dung D đã đặt cọc cho bà Kim C1 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để mua thửa đất số 3667, tờ bản đồ số 77, địa chỉ tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 21/11/2022, trong lúc Lê Văn D ngồi uống cà phê cùng với ông Huỳnh Tấn L1 tại quán cà phê A, địa chỉ tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì D giới thiệu cho ông L1 biết là D đã đặt cọc mua thửa đất số 3667, tờ bản đồ số 77, địa chỉ tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương của bà Kim C1 nhưng giờ kẹt tiền nên muốn bán và hỏi ông L1 có mua thì D bán lại. Tiếp đó, D đưa thông tin về thửa đất cho ông L1 tham khảo, đồng thời cho ông L1 xem Hợp đồng đặt cọc với bà Kim C1 mà D đã làm giả trước đó. Thấy vậy, ông L1 đã đồng ý mua thửa đất trên với giá 740.000.000 (bảy trăm bốn mươi triệu) đồng, đồng thời ký hợp đồng đặt cọc và chuyển khoản cho D số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Đến ngày 03/12/2022, ông L1 tìm hiểu thì được biết thửa đất trên là của bà Kim C1 và bà Kim C1 không ký hợp đồng đặt cọc nào với D, thửa đất trên đã được bán cho người khác. Lúc này, ông L1 nhiều lần liên hệ với D nhưng không liên lạc được. Ngày 06/01/2023, ông L1 đến Công an phường P để trình báo sự việc và giao nộp 01 (một) Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 21/11/2022 giữa ông L1 và D. Ngày 12/01/2023, Công an phường P chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, xác định: Thửa đất số 3667, tờ bản đồ số 77, địa chỉ tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Dương cập nhật biến động chuyển quyền sử dụng đất cho bà Kim C1 ngày 14/01/2021 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty Cổ phần C2 và bà Kim C1. Sau đó, Công ty Đ mua lại thửa đất nêu trên của bà Kim C1 với giá 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng. Ngày 04/3/2022, Công ty Đ đã bán lại thửa đất trên cho ông Dương Văn B, sinh năm 1993, cư trú tại khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương với giá 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng. Qua làm việc với ông B xác định, thửa đất trên ông B hiện đang sử dụng và không bán cũng như không ủy quyền cho ai.

Tại Công văn số 854/CNVPĐĐ ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B xác định: Ngày 28/4/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B đã cấp Giấy chứng nhận đất số DE247985, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS17202 tại thửa đất số 3667, tờ bản đồ số 77, diện tích 75m², địa chỉ tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương cho ông Dương Văn B là chủ sở hữu.

Tại Kết luận giám định số 193/KLGD-KTHS ngày 16/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B xác định: Chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay mang tên Lê Văn D in dưới mục “Đại diện bên A” và mặt sau trên “Hợp đồng đặt cọc”, đề ngày 21/11/2022 (ký hiệu A) so với chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của Lê Văn D in trên các tài liệu là do một người viết và in ra.

Đối với Hợp đồng đặt cọc ngày 05/11/2022 mà Lê Văn D làm giả, quá trình điều tra D khai đã làm mất hợp đồng trên. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị D1 là chị ruột của bị cáo Lê Văn D đã thay bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại Huỳnh Tấn L1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ông L1 đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

Cáo trạng số 240/CT-VKSTDM ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 135, 260, 292, khoản 4 Điều 328, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2023.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không.

4/ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/01/2024, bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Lê Văn D là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một

thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa Nguyễn Hồng C vắng mặt tại phiên tòa, tại văn bản luận cứ bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu, đã khắc phục hậu quả; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo từng công tác tại xã đội được tặng thưởng nhiều giấy khen. Đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn D được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: khoảng 14 giờ ngày 21/11/2022, tại quán cà phê A, địa chỉ tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Văn D dùng thủ đoạn gian dối là đưa cho bị hại Huỳnh Tấn L1 xem 01 (một) Hợp đồng đặt cọc giả do D tự viết ra có nội dung thể hiện D đã đặt cọc mua thửa đất số 3667, tờ bản đồ số 77, địa chỉ tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương của bà Phạm Kim C1, để bị hại Huỳnh Tấn L1 tin tưởng và đồng ý làm hợp đồng đặt cọc mua lại thửa đất nêu trên từ bị cáo D để chiếm đoạt của bị hại L1 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn D, xét thấy: Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, không có tình tiết tăng nặng, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là nặng. Do đó, có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là chưa phù hợp; đối với ý kiến đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng án treo của người bào chữa là không được chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về hình phạt như sau.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT I);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T (03);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp
- Công an thành phố T;
- Bị cáo (01);
- Lưu: VP (04), hồ sơ vụ án. LQV. (22)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quân Vương